

Bản án số: 1133/2024/HS-PT

Ngày: 16-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Cảnh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chương

Ông Lê Quang Chiều

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Thơm -

Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 957/2024/TLPT-HS ngày 24 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Nông Hồng Q, Đỗ Quốc C do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2024/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, Hà Nội.

*** Các bị cáo có kháng cáo, được kháng nghị:**

1. NÔNG HỒNG Q, sinh ngày 13/9/19XX tại C B; ĐKKHKT và nơi cư trú: Xóm K, xã H, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn H và bà Nông Thị L; có vợ Hà Thị Như Q1 và 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/5/2013, Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, xử

phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. ĐỖ QUỐC C, sinh ngày 27/8/1993 tại Hà Nội; ĐKKHKT và nơi cư trú: Cụm G, xã D, huyện T, TP Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Quốc V và bà Nguyễn Thị O; có vợ Phan Thị D và 02 con, con lớn sinh năm năm 2018, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH một thành viên C4 - Chi nhánh H4 (gọi tắt là Công ty C4) đăng ký kinh doanh ngày 14/6/2018, mã số doanh nghiệp: 0313617136012, địa chỉ trụ sở: Tầng B, tháp C, tòa nhà C, số B đường T, phường Y, quận C, TP .. Ngành nghề hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bưu chính và chuyển phát nhanh. Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Thu D1. Bưu cục V1, huyện T, TP . thuộc sự quản lý của Công ty C4 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh do Sở K cấp ngày 05/7/2018, mã số địa điểm kinh doanh 00008. Địa chỉ tại: thửa đất số 21, tờ bản đồ bản quy hoạch phân lô, khu đất kinh doanh dịch vụ xã V, huyện T, TP ..

Hoạt động tại Bưu cục chuyển phát nhanh V1 - Thường Tín như sau: Đầu giờ sáng và đầu giờ chiều, xe hàng của Công ty C4 chở hàng hoá đến bưu cục V, nhân viên giao nhận (bưu tá) sẽ tự lọc ra các đơn hàng thuộc tuyến mình được giao, nhận đơn để đi giao. Trước khi đi giao hàng, các nhân viên giao nhận sẽ quét đơn hàng hoá bằng máy quét chuyên dụng ở bưu cục để chịu trách nhiệm về đơn hàng và lấy thông tin, địa chỉ, số tiền phải thu sau đó đi giao cho khách. Nếu đơn hàng được giao thành công và nhân viên giao nhận thu được tiền của khách từ đơn hàng thì nhân viên giao nhận sẽ tích giao thành công đơn hàng trên hệ thống phần mềm của Công ty được cài trên điện thoại của mình bằng tài khoản của nhân viên đã nhận đơn đó, tiền thu được của tất cả các đơn hàng giao thành công trong ngày sẽ được tập hợp và chuyển lại cho nhân viên giao dịch vào cuối mỗi

ngày (bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản). Đối với những đơn không giao thành công thì nhân viên giao nhận sẽ xác nhận vào các mục: khách hàng không nghe máy, khách hàng từ chối nhận, khách hàng hẹn lại ngày lấy... trên phần mềm bằng tài khoản của nhân viên đó rồi chuyển đơn hàng lại cho bộ phận kho hoặc nhân viên giao dịch. Số tiền thu được từ việc giao hàng thành công nhân viên giao dịch chuyển lại cho bộ phận kế toán Công ty C4 vào trước 12 giờ ngày làm việc của hôm sau.

*** Đối với hành vi của Nông Hồng Q:**

Ngày 01/8/2020, Nông Hồng Q ký hợp đồng lao động với Công ty C4, với chức vụ: Quản lý bưu cục (bưu cục trưởng). Quyền hạn, nhiệm vụ của Q là: quản lý về nhân sự, vật tư, quản lý về kinh doanh, tìm kiếm khách hàng mới, quản lý về thu chi tại bưu cục, thu và giám sát quản lý việc nộp tiền thu hộ của khách về Công ty (khi không có nhân viên giao dịch tại bưu cục) và phân chia công việc cho các nhân viên dưới quyền.

Từ ngày 01/3/2022 đến ngày 18/3/2022, khi xe hàng của Công ty C4 chuyển hàng về bưu cục V, Q chọn ra một số đơn hàng có giá trị cao rồi đưa nhân viên giao nhận đi giao và thu tiền của khách, Q chỉ đạo nhân viên khi đơn hàng giao thành công, thu được tiền thì không được xác nhận trên hệ thống phần mềm của Công ty, mà cứ cuối ngày nhân viên về bưu cục V1 gặp Q để Q quét lại mã các đơn hàng hoá đã giao thành công trên sang mã nhân viên 024M030831 của Q và nhận tiền của nhân viên giao đơn hàng trên. Q có trách nhiệm quản lý số tiền đã nhận của các nhân viên giao nhận rồi xác nhận đơn hàng giao thành công trên hệ thống phần mềm của Công ty và nộp lại tiền cho Công ty C4 trước 12 giờ ngày hôm sau. Với mục đích chiếm đoạt tiền của Công ty C4 để sử dụng chi tiêu cá nhân, Q đã không xác nhận thành công đối với các đơn hàng đó mà để trạng thái đơn hàng chưa giao được (lý do: khách hàng không nghe máy, khách hàng từ chối nhận, khách hàng hẹn lại ngày lấy...) trên hệ thống.

Bằng thủ đoạn trên, Nông Hồng Q đã chiếm đoạt tổng số tiền của Công ty C4 là 72.120.182 đồng thông qua 06 nhân viên giao nhận. Cụ thể: Nhân viên giao nhận là anh Nguyễn Hoàng A giao nhận thành công 04 đơn hàng và đưa cho Q tổng số tiền là 12.014.000 đồng, cụ thể: vào ngày 06/3/2022, anh Hoàng A đưa cho Q tiền mặt là 4.500.000 đồng (01 đơn

hàng); ngày 10/3/2022, anh Hoàng A đưa cho Q 3.982.000 đồng gồm (1.000.000 đồng tiền mặt và 2.982.000 đồng chuyển khoản vào tài khoản số 0451000449334 ngân hàng V2 của Q) 01 đơn hàng; ngày 11/3/2022, anh Hoàng A đưa cho Q 3.532.000 đồng gồm (3.032.000 đồng tiền mặt và 500.000 đồng chuyển khoản vào tài khoản số 0451000449334 ngân hàng V2 của Q) 01 đơn hàng. Nhân viên giao nhận là anh Nguyễn Thế H1 giao nhận thành công 02 đơn hàng và đưa cho Q tổng số tiền là 4.625.000 đồng, cụ thể: vào ngày 09/3/2022, anh H1 đưa cho Q tiền mặt là 2.500.000 đồng (01 đơn hàng); ngày 12/3/2022, anh H1 chuyển khoản số tiền 2.125.000 đồng vào tài khoản số 0451000449334 ngân hàng V2 của Q (01 đơn hàng). Nhân viên giao nhận là anh Nguyễn Quang H2 giao nhận thành công 02 đơn hàng và đưa cho Q tổng số tiền là 6.123.000 đồng, cụ thể: vào ngày 11/3/2022, anh H2 đưa cho Q tiền mặt là 1.923.000 đồng (01 đơn hàng); ngày 13/3/2022, anh H2 đưa cho Q tiền mặt là 4.200.000 đồng (01 đơn hàng). Nhân viên giao nhận là anh Trần Văn C1 giao nhận thành công 03 đơn hàng và đưa cho Q tổng số tiền là 13.753.000 đồng, cụ thể: vào ngày 08/3/2022, anh C1 đưa cho Q tiền mặt là 4.928.000 đồng (01 đơn hàng); ngày 10/3/2022, anh C1 đưa cho Q tiền mặt là 8.825.000 đồng (01 đơn hàng). Nhân viên giao nhận là anh Nguyễn Văn C2 giao nhận thành công 04 đơn hàng và đưa cho Q tổng số tiền là 16.019.000 đồng, cụ thể: vào ngày 06/3/2022, anh C2 đưa cho Q tiền mặt là 5.785.000 đồng (01 đơn hàng); ngày 08/3/2022, anh C2 chuyển khoản số tiền 3.437.000 đồng vào tài khoản số 0451000449334 ngân hàng V2 của Q (01 đơn hàng); ngày 11/3/2022, anh C2 đưa cho Q tiền mặt là 2.920.000 đồng (01 đơn hàng); ngày 12/3/2022, anh C2 chuyển khoản số tiền 3.877.000 đồng vào tài khoản số 0451000449334 ngân hàng V2 của Q (01 đơn hàng). Nhân viên giao nhận là anh Nguyễn Xuân D2 giao nhận thành công 05 đơn hàng và đưa cho Q tổng số tiền là 19.586.000 đồng, cụ thể: ngày 01/3/2022, anh D2 đưa cho Q tiền mặt là 14.140.000 đồng (02 đơn hàng); ngày 07/3/2022, anh D2 đưa cho Q tiền mặt là 2.244.182 đồng (01 đơn hàng); ngày 09/3/2022, anh D2 đưa cho Q tiền mặt là 1.302.000 đồng (01 đơn hàng); ngày 14/3/2022, anh D2 đưa cho Q tiền mặt là 1.900.000 đồng (01 đơn hàng).

Căn cứ vào kết quả điều tra có đủ cơ sở xác định từ ngày 01/3/2022 đến ngày 14/3/2022, Nông Hồng Q đã 10 lần chiếm đoạt tiền của Công ty C4 với tổng số tiền là 72.120.182 đồng rồi tự ý nghỉ việc, cụ thể: Ngày 01/3/2022, Nông Hồng Q đã chiếm đoạt số tiền 14.140.000 đồng do anh Nguyễn Xuân D2 đưa cho Q. Ngày 06/3/2022, Nông Hồng Q đã chiếm đoạt số tiền 10.285.000 đồng do các anh Nguyễn Hoàng A và Nguyễn Văn C2 đưa cho Q. Ngày 07/3/2022, Nông Hồng Q đã chiếm đoạt số tiền 2.244.182 đồng do anh Nguyễn Xuân D2 đưa cho Q. Ngày 08/3/2022, Nông Hồng Q đã chiếm đoạt số tiền 8.365.000 đồng do các anh Trần Văn C1 và Nguyễn Văn C2 đưa cho Q. Ngày 09/3/2022, Nông Hồng Q đã chiếm đoạt số tiền 3.802.000 đồng do các anh Nguyễn Thế H1 và Nguyễn Xuân D2 đưa cho Q. Ngày 10/3/2022, Nông Hồng Q đã chiếm đoạt số tiền 12.807.000 đồng do các anh Nguyễn Hoàng A và Trần Văn C1 đưa cho Q. Ngày 11/3/2022, Nông Hồng Q đã chiếm đoạt số tiền 8.375.000 đồng do các anh Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Quang H2 và Nguyễn Văn C2 đưa cho Q. Ngày 12/3/2022, Nông Hồng Q đã chiếm đoạt số tiền 6.002.000 đồng do các anh Nguyễn Thế H1 và Nguyễn Văn C2 đưa cho Q. Ngày 13/3/2022, Nông Hồng Q đã chiếm đoạt số tiền 4.200.000 đồng do anh Nguyễn Quang H2 đưa cho Q. Ngày 14/3/2022, Nông Hồng Q đã chiếm đoạt số tiền 1.900.000 đồng do anh Nguyễn Xuân D2 đưa cho Q.

*** Đối với hành vi của Đỗ Quốc C:**

Ngày 01/7/2021, Đỗ Quốc C ký kết hợp đồng lao động với Công ty C4, C được giao nhiệm vụ là nhân viên giao nhận (bưu tá) của Công ty. Công việc cụ thể của C như sau: vào đầu giờ sáng hàng ngày C đến bưu cục chuyển phát nhanh V1 để nhận hàng hoá đi giao cho khách, khi nhận hàng C dùng máy quét mã vạch tại bưu cục, nhập mã nhân viên của C là 024M03.063270 để quét vào từng đơn hàng, khi đó hàng hoá trên do C chịu trách nhiệm quản lý, đi giao cho khách hàng, thu tiền và nộp về bưu cục trong ngày. Với mỗi đơn hàng đã giao được cho khách hàng thì C xác nhận thành công trên phần mềm của Công ty C4 cài ở điện thoại của C. Cuối ngày C mang số tiền giao hàng được về đưa cho nhân viên giao dịch hoặc Bưu cục trưởng. Ngày 22/3/2022, C nhận 35 đơn hàng tại Bưu cục và đã giao thành công 33 đơn hàng, C đã nộp hết số tiền 33 đơn hàng trên về

bưu cục, còn lại 02 đơn hàng C chưa giao được nên tích vào phần mềm của Công ty trên điện thoại là không liên lạc được khách hàng và để 02 đơn này dồn sang ngày hôm sau. Ngày 23/3/2022, C giao nhận thành công 35 đơn hàng (gồm 33 đơn hàng ngày 23/3/2022 và 02 đơn hàng của ngày 22/02/2022) với tổng số tiền là 30.564.758 đồng. C không nộp số tiền trên về Công ty C4 mà đã chiếm đoạt số tiền trên rồi tự ý nghỉ việc.

Ngày 28/11/2022, Công ty C4 đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện T, tố cáo về việc: Nông Hồng Q đã có hành vi chiếm đoạt số tiền 72.120.182 đồng và Đỗ Quốc C đã có hành vi chiếm đoạt số tiền 30.564.758 đồng của Công ty. Sau đó cả Q và C đã tự ý nghỉ việc.

Về dân sự: Nông Hồng Q và Đỗ Quốc C đã khắc phục trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho Công ty C4. Công ty C4 đã nhận đầy đủ số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì. Đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nông Hồng Q và Đỗ Quốc C.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2024/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nông Hồng Q và bị cáo Đỗ Ngọc C3 phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Hồng Q 08 (T) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Quốc C 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐ-VKSTT ngày 12/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín đối với bản án hình sự sơ thẩm số 89/2024/HS-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, đề nghị sửa bản án sơ thẩm giảm mức hình phạt tù đối với bị cáo Nông Hồng Q, Đỗ Quốc C.

Ngày 13/8/2024 bị cáo Nông Hồng Q có đơn kháng cáo xin được hưởng mức án nhẹ nhất; bị cáo Đỗ Quốc C xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản án sơ thẩm đã quy kết. Bị cáo Nông Hồng Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do án sơ thẩm xử nặng, bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả, thành khẩn khai báo, con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo Đỗ Quốc C xin được hưởng án treo với lý do để ở nhà chăm sóc con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính, trụ cột trong gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân, vai trò của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xem xét kháng cáo của các bị cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín, kháng cáo của bị cáo Nông Hồng Q, Đỗ Quốc C và sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Hồng Q từ 4 đến 5 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Quốc C từ 20 đến 24 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín và đơn kháng cáo của bị cáo Nông Hồng Q, Đỗ Quốc C đúng về mặt chủ thể kháng nghị, kháng cáo và trong thời hạn của luật định nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo Nông Hồng Q, Đỗ Quốc C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, tang vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

- Từ ngày 01/3/2022 đến ngày 14/3/2022, Nông Hồng Q đã 10 lần lợi dụng việc bản thân là Bưu cục trưởng đã chỉ đạo 06 nhân viên giao nhận gồm các anh Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Quang H2, Trần Văn C1, Nguyễn Văn C2 và Nguyễn Xuân D2 đi giao 20 đơn hàng và đưa lại tiền thu được của khách cho Q với tổng số tiền là 72.120.182 đồng để Q quản lý và nộp về Công ty C4, nhưng sau khi nhận tiền của các nhân viên giao nhận Q không nộp số tiền nêu trên về Công ty C4 mà đã chiếm đoạt số tiền trên sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Ngày 23/3/2022, Đỗ Quốc C với nhiệm vụ là nhân viên giao nhận (bưu tá) đã nhận và đi giao 35 đơn hàng cho khách (trong đó có 02 đơn hàng của ngày 22/3/2022), thu tổng số tiền hàng của khách là 30.564.758 đồng nhưng C không nộp số tiền trên về Công ty C4 theo quy định mà đã chiếm đoạt số tiền trên sử dụng vào mục đích cá nhân.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nông Hồng Q đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Tham ô tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đỗ Quốc C bị xét xử về tội “*Tham ô tài sản*” theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín và kháng cáo của bị cáo Nông Hồng Q, Đỗ Quốc C thì Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án; vai trò, bị cáo Nông Hồng Q có nhân thân xấu, bị cáo Đỗ Quốc C có nhân thân tốt; xem xét việc tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự Cấp sơ thẩm đã xử phạt tù giam đối với bị cáo Nông Hồng Q, Đỗ Quốc C là phù hợp, mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nông Hồng Q mức án 08 năm tù, bị cáo Đỗ Quốc C

03 năm tù là có phần quá nghiêm khắc. Bản thân các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình; hậu quả vụ án đã được khắc phục toàn bộ. Do vậy có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín, kháng cáo của bị cáo Nông Hồng Q và một phần kháng cáo của bị cáo Đỗ Quốc C, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với gia đình và xã hội.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

[5] Các bị cáo kháng cáo được cấp phúc thẩm chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

1. Sửa một phần bản án sơ thẩm:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nông Hồng Q 06 (S)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án về tội “*Tham ô tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đỗ Quốc C 02 (H3)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án về tội “*Tham ô tài sản*”.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Hồng Q, Đỗ Quốc C không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Thường Tín;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín;
- Công an huyện Thường Tín;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Ngọc Cảnh